TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/DS-ST
Ngày: 04-12-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Yến Nhi
Ông Nguyễn Xuân Nhàn

-***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 315/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1963;
Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Bà Trần Thị Bé B, sinh năm 1970;
Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.
(Tại tòa bà V, bà B vắng mặt; bà V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu cung cấp cho Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 30/9/2021, bà B có vay của bà 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Đến ngày 22/10/2021, bà B vay thêm của bà 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, bà B nói vay tiền để chăn nuôi dê. Tổng số tiền bà B đã vay của bà là 15.000.000 đồng.

Đến hẹn trả nợ bà B không trả tiền gốc và cũng không trả tiền lãi cho bà. Vào năm 2022, bà B xin trả dần số nợ trên, bà B chỉ trả được 600.000 đồng, còn nợ lại 14.400.000 đồng và ngưng không trả nữa.

Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền gốc còn nợ là 14.400.000

đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng kể từ tháng 01/2023 cho đến khi xét xử là tháng 12/2023.

Bị đơn bà B đã được tống đạt hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa. Bà B cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà V khởi kiện yêu cầu bà B trả tiền vay còn nợ. Bị đơn bà B cư trú tại xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Bà V khởi kiện yêu cầu bà B trả 14.400.000 đồng và lãi chậm trả tính từ tháng 01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.83%/tháng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà V cung cấp là:

- Bản chính hợp đồng cho vay tiền ngày 28/10/2021 thể hiện bà B có vay của bà V số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 28/10/2021 âm lịch đến ngày 28/11/2021 âm lịch.
- Bản chính giấy mượn tiền ngày 30/9/2021 thể hiện bà B có vay của bà V số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 30/09/2021 âm lịch đến ngày 30/10/2021.

Hết thời gian 01 tháng thỏa thuận trong giấy mượn tiền và hợp đồng cho vay tiền nhưng bà B không thực nghĩa vụ trả nợ. Theo bà V trình bày đến nay bà B chỉ trả cho bà V 600.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 14.400.000 đồng bà V đã nhiều lần liên hệ với bà B để yêu cầu bà B trả nợ nhưng bà B không thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là "hợp đồng cho vay tiền ngày 28/10/2021" và "giấy mượn tiền ngày 30/9/2021" cho bà B nhưng bà B đều vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân quy định : "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ khi đến hạn". Các khoản nợ vay nêu trên đến nay đã quá thời hạn trả. Do đó việc bà B khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền vay gốc còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày tháng 01/2023 cho khi xét xử sơ thẩm là tháng 12/2023, tròn 11 tháng là phù

hợp theo quy định tại Điều 357 Bộ Luật dân sự nên được chấp nhận. Từ ngày tháng 01/2023 đến tháng 12/2023 được tính như sau: 14.400.000 đồng x 0.83% x 11 tháng = 1.314.720 đồng. Như vậy tổng số tiền gốc và lãi bà B có trách nhiệm trả cho bà V là 15.714.720 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà B phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là 15.714.720 đồng x 5% = 785.736 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V. Buộc bà Trần Thị Bé B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 15.714.720 (mười lăm triệu, B trăm mười bốn nghìn, B trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Thị Bé B có trách nhiệm nộp là 785.736 (B trăm tám mươi lăm nghìn, B trăm ba mươi sáu) đồng.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan